

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH TL**

TỈNH GI L

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 27/5/2021

V/v: “*Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH TL, TỈNH GI L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Ruyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chế Công Nghị và ông Đỗ Xuân Ua.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ph tl, tỉnh Gi l ghi biên bản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph tl, tỉnh Gi l tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ph tl, tỉnh Gi l, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2021/TLST - DSST ngày 03/3/2021; về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021; giữa:

Nguyên đơn: Ông Bùi Minh T, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Ph tl, huyện Ph tl, Gi l (có mặt).

Bị đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Ph tl, huyện Ph tl, Gi l (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2021, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Bùi Minh T trình bày:

Tôi có cho chị Phạm Thị N, sinh năm 1984; trú tại tổ dân phố 03, thị trấn Ph tl, huyện Ph tl, tỉnh Gi l; vay tiền từ năm 2013 đến năm 2016, tất cả là 05 lần vay, bằng 05 giấy vay tiền; tổng số tiền vay là 80.000.000đồng để lo công việc của gia đình chị N. Khi đến hạn tôi đã đòi chị N rất nhiều lần nhưng chị N đều khất lần không chịu trả cho tôi như đã hứa hẹn. Vậy tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Phạm Thị N phải trả tôi số tiền gốc là 80.000.000đồng và tiền lãi suất 9%/năm, tính từ tháng 4/2016 đến tháng 4/2021 là 60 tháng với lãi suất là 0.75%/tháng x 80.000.000đồng x 60 tháng = 36.000.000đồng theo đúng quy định pháp luật.

Về án phí: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

Bị đơn chị Phạm Thị N trình bày: Tôi đã nhận đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa

án. Đối với yêu cầu của ông T tôi có ý kiến như sau; tôi thừa nhận 05 giấy tờ vay tiền do ông T cung cấp đều là chữ ký của tôi. Tuy nhiên, tổng số tiền ông T yêu cầu tôi phải trả là không đúng, tôi chỉ có vay ông T số tiền là 10.000.000đồng; sau này, một số người quen tôi có tới nhà ông T vay tiền nhưng do ông T không biết những người đó, nên có nhờ tôi đứng tên người vay trong một số giấy vay tiền; các lượt vay tôi đứng ra ký nhận vay cho người quen, rồi ông T lại cộng dồn trong tờ giấy vay tiền ghi số tiền là 40.000.000đồng. Hiện nay, chồng tôi đã chết rồi số tiền 10.000.000đồng tôi vay ông T đã trả đủ. Đối với số tiền 40.000.000đồng, ông T cũng đã đến từng nhà lấy tiền; nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc tôi phải trả số tiền gốc 80.000.000đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định thì tôi không đồng ý. Nếu cần thiết tôi sẽ gọi từng người đã vay ông T mà tôi đứng ra ký nhận người vay trong giấy để làm rõ.

Về án phí: Tôi yêu cầu giải quyết theo quy định.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph tl, tỉnh Gi l phát biểu quan điểm về tố tụng và nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 4 điều 27 Luật tổ chức Viện kiểm sát;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280; 281; 282; 284; 357; 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 01 Điều 24; khoản 02 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, từ khâu thụ lý, t báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận...và hòa giải, các bước tổng đạt quy trình tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời gian giải quyết vụ án đảm bảo, giải quyết theo yêu cầu nội dung khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Về Nội dung: về quan hệ Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền là đúng, nguyên đơn yêu cầu đòi 80.000.000đồng là có cơ sở, đối với lãi suất tính từ tháng 4/2016 đến tháng 4/2021 là thiếu căn cứ, vì có 01 giấy vay chỉ ghi tháng 4 mà không ghi ngày, nên chỉ tính lãi suất từ tháng tiếp theo là tháng 5/2016 đến 4/2021 là có cơ sở.

Do nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 9%/năm, thời gian tính sẽ trừ đi 01 tháng theo nội dung đơn, nên đại diện Viện kiểm sát chỉ tính lãi suất theo đúng thời gian của các hợp đồng đã ký kết. Tổng cộng bị đơn phải trả nguyên đơn là 80.000.000đồng + 35.400.000đồng = 115.400.000đồng.

Về án phí: chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: 115.400.000đồng x 5% = 5.770.000đồng.

Chị N có yêu cầu gọi từng người đã vay tiền ông T, mà chính chị N đã đứng ra ký nhận là người vay trong giấy để làm rõ; xét yêu cầu của chị N là không có cơ sở, nên Tòa án không thực hiện yêu cầu của chị N là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đề cập đến để giải quyết yêu cầu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: ông T khai chị N 05 vay lần tiền của ông bằng 05 giấy vay tiền; với tổng số tiền là 80.000.000đồng để lo công việc của gia đình chị N, nhưng khi đến hạn ông T đòi nhiều lần chị N không trả, nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N phải trả số tiền trên theo quy định. Còn chị N thừa nhận có ký nhận 05 tờ giấy vay tiền mà ông T đã cung cấp tại Tòa án; tuy nhiên có lúc chị N khai vay ông T số tiền 10.000.000đồng, có khi lại khai đứng ra ký nhận vay cho người quen với số tiền là 40.000.000đồng.

Xét giao dịch dân sự giữa ông T và chị N được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, các bên đều thừa nhận về nội dung thỏa thuận công nhận đúng nội dung và chữ viết ký nhận của các giấy vay tiền.

Đối với chị N xác nhận có ký 05 lần vay với 05 tờ giấy vay tiền; nhưng không công nhận số tiền ông T khởi kiện là 80.000.000đồng, bởi những lý do khi chị N khai có vay ông T 10.000.000đồng và đã trả rồi, khi lại khai đứng ra ký nhận vay cho người quen với tổng số tiền là 40.000.000đồng, khi chị N khai việc ông T khai chị nợ 80.000.000đồng là do ông T cộng dồn 04 giấy vay mượn tiền giữa ông T và chị, có khi chị N khai việc ông T cho chị vay tiền nhưng chị là người ký nhận hộ người này người khác, nếu cần thiết chị N sẽ gọi từng người biết ông T cho chị vay, mà chị đứng ra ký nhận người vay trong giấy để làm rõ.

Xét nội dung khai của chị N là tiền hậu bất nhất, lúc khai thế này khi thế khác, rồi cũng không đưa ra được bất kỳ một tài liệu chứng cứ nào để chứng minh một trong những giao dịch giữa chị và ông T đã hoàn tất, mặc dù Tòa án rất nhiều lần giải thích yêu cầu chị N cung cấp việc trả tiền giữa chị và ông T để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị, nhưng chị N chỉ nói qua nói lại; với số tiền lên đến hàng chục triệu đồng là không hề nhỏ so với ngày công lao động của người dân trên địa phận thị trấn Ph tl, cũng như thu nhập buôn bán nhỏ lẻ của chị N, trong khi chị N khai trả ông T hàng mấy chục triệu đồng mà không thu hồi giấy vay hoặc có những thỏa thuận khác để chứng minh giao dịch giữa chị và ông T đã hoàn thành. Vì vậy lời khai của chị N về nội dung đã trả tiền đối với ông T là không có cơ sở.

Riêng chị N yêu cầu gọi từng người mà chị đứng ra ký nhận người vay tiền trong giấy với ông T rồi đưa tiền cho họ để làm rõ, đối với yêu cầu của chị N là không có căn cứ, vì chị N đã công nhận có ký xác nhận 05 giấy vay tiền và lấy tiền từ ông T, như vậy giao dịch dân sự giữa chị và ông T đã hoàn thành, còn việc chị N có hay không đưa hoặc giao tiền cho ai đó vay là quyền của chị, chính vì vậy mà Tòa án không chấp nhận yêu cầu của chị N, nên không đề cập về nội dung chị N yêu cầu triệu tập những người chị đã giao tiền, để giải quyết trong cùng nội dung tranh chấp giữa chị và ông T. Nếu sau này chị N có tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc giao hoặc đưa tiền cho người này người khác, thì chị có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

Đối với lãi suất vay ghi trong giấy vay tiền là 3%/tháng, các đương sự thỏa thuận là không đúng quy định của pháp luật; nhưng trong quá trình thụ lý giải quyết và tại phiên tòa ông T đều khai chưa lấy tiền lãi của chị N, đồng thời chị N cũng không chứng minh được về việc chị đã trả lãi suất đối với ông T, để Hội đồng có căn cứ đối trừ thanh toán cũng như có biện pháp khác đối với ông T. Vì vậy hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết trong cùng vụ án.

Đối với giấy vay ghi ngày 21/9 thời hạn hẹn tháng 4/2016..., trong giấy có ghi Bùi Văn T quá trình thụ lý giải quyết và tại biên bản đối chất, chị N cũng thừa nhận chị viết nhầm giữa Bùi Minh T thành Bùi Văn T và chị cam kết Bùi Minh T và Bùi Văn T là một. Hội đồng xét xử xét nội dung các đương sự khai là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông T chỉ yêu cầu giải quyết về lãi suất là 0,75%/tháng, thời gian tính từ tháng 4/2016 đến tháng 4/2021. Hội đồng xét xử; xét yêu cầu tính lãi suất từ tháng 4/2016 là thiếu căn cứ, vì có 01 giấy vay chỉ ghi tháng 4 mà không ghi ngày, nên chỉ được tính lãi suất từ tháng tiếp theo; đối với yêu cầu phần trăm tính lãi suất của ông T là có cơ sở không trái đạo đức xã hội không trái pháp luật về mức lãi suất vay; nên Hội đồng xét xử, xét có cơ sở để làm căn cứ tính lãi suất, để buộc bị đơn phải trả tiền cho nguyên đơn.

Cụ thể từ tháng 5/2016 đến tháng 4/2021 là 59 tháng x 80.000.000đồng x 0,75%/tháng = 35.400.000đồng + 80.000.000đồng = 115.400.000đồng.

[3] Đối với chị N yêu cầu gọi từng người mà chị đứng ra ký nhận người vay tiền trong giấy với ông T rồi đưa tiền cho họ để làm rõ, xét yêu cầu của chị N là không có căn cứ nên không xem xét đề cập đến để giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: 115.400.000đồng x 5% = 5.770.000đồng.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280; 281; 282; 284; 357; 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 01 Điều 24; khoản 02 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh T.

Buộc: chị Phạm Thị N phải trả ông Bùi Minh T số tiền là 115.400.000đ (*một trăm mười lăm triệu, bốn trăm ngàn đồng*); “*Trong đó 80.000.000đồng tiền gốc và 35.400.000đồng tiền lãi*”.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án (bên có nghĩa vụ) chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, được quy định theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị N phải nộp 5.770.000đồng (năm triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Bùi Minh T số tiền 2.000.000đồng (hai triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí trước đây, theo biên lai thu số 0007521 ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph tl, tỉnh Gi l.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/5/2021) các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gi l để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND.H Ph tl;
- Chi cục THADS.H Ph tl;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Bùi Đức Ruyệt